

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Bản án số: **137/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/8/2021

“Về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Quang Luân.**

2. Bà **Phan Thị Bích.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Phương Hà** - Kiểm sát viên.*

Ngày 02/8/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2021/TLST-HNGĐ, ngày 24/3/2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị Á, sinh năm 1990.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Thôn P 3, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Á vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh T đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại Biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Bàn Thị Á trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2006 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 09/01/2009 anh chị mới đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Việc chị và anh T đăng ký kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc bình thường cùng nhau tại thôn P 3, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang cho đến năm 2018

thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa chị với anh T không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống; do anh T thường xuyên uống rượu say về nhà chửi bới, đánh đập và cầm dao dọa chém chị nhiều lần, vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng đánh cãi chửi nhau dẫn đến không ai quan tâm, yêu thương và chăm sóc gì đến nhau. Chị và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị đã nhiều lần nói chuyện trực tiếp, trao đổi, thông báo bằng điện thoại với anh T về việc chị đã làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang để giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh T. Anh T cũng xác định không còn tình cảm với chị nên nhất trí ly hôn nhưng không trực tiếp đến Tòa án làm việc. Sau đó anh T đi làm ăn xa nhà, nhiều lần chị đã điện thoại bảo anh T về Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh T nói không về, chị hỏi địa chỉ cụ thể hiện nay anh T đang đi làm công việc gì và địa chỉ cụ thể ở đâu thì anh T chỉ nói đang đi làm ăn xa mà không nói cho chị biết địa chỉ và công việc cụ thể. Vì vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nên mỗi lần điện thoại nói chuyện xong chị cũng không còn lưu giữ hay nhớ số điện thoại cụ thể của anh T như thế nào, chị không cung cấp cho Tòa án được. Chị Á cam đoan và xác định chị đã thông báo cho anh T biết việc chị nộp đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án, anh T có biết nhưng không đến Tòa án làm việc, đồng thời anh T cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú hiện nay của mình không cho chị biết để cung cấp cho Tòa án. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị với anh T đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái, vì thực tế anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2019 đến nay. Chị Á đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có 03 người con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 15/4/2006; cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 20/8/2008 và cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 09/8/2011. Sau khi ly hôn, chị Á nhất trí để anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D, cháu Nguyễn Thành T và cháu Nguyễn Anh Q. Chị Á không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Văn T.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Á xác định chị và anh T có một số tài sản chung, đất đai chung nhưng tự thỏa thuận chia, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Chị Á xác định chị và anh T không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Á vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Á giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2021 và các văn bản tố tụng khác cho anh Nguyễn Văn T biết, báo gọi anh T nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh T không có mặt tại gia đình và địa phương, không trực tiếp đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nêu trên theo quy định pháp luật.

Qua xác minh tại địa phương thôn P 3, xã T, huyện H được cung cấp thông tin: Hiện nay anh Nguyễn Văn T là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P 3, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị Á và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện chung sống cùng nhau từ năm 2006 đến năm 2009 mới đăng kết hôn với nhau tại UBND xã Thành Long, huyện Hàm Yên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống giữa chị Á và anh T thời gian đầu hạnh phúc bình thường, đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân nhau từ khoảng tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Anh T thường xuyên đi làm ăn xa nhà, thi thoảng mới về địa phương thăm gia đình, còn địa chỉ cụ thể ở đâu, số điện thoại của anh T như thế nào thì địa phương không biết. Đồng thời đại diện thôn P 3, xã T cũng xác định: Địa phương đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2021 của Tòa án về việc giải quyết ly hôn giữa chị Á với anh T, do Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên gửi nhờ địa phương giao lại cho anh T biết nội dung. Tuy nhiên do anh T thường xuyên đi làm ăn xa vắng nhà, không có mặt tại địa phương nên thôn đã trực tiếp niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2021 và các văn bản tố tụng khác của Tòa án theo quy định pháp luật. Nay chị Á làm đơn xin ly hôn với anh T, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo nội dung lời khai của bà Trương Thị V - là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T xác định: Chị Á và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị Á và anh T chung sống cùng một nhà với bà, sau đó một thời gian thì chuyển ra làm nhà ở riêng ngay sát cạnh nhà bà. Quá trình chung sống vợ chồng chị Á và anh T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không khắc phục được. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2019 đến nay, mỗi người một công việc không ai quan tâm, chăm sóc gì

đến nhau. Chị Á đi làm công nhân tại tỉnh Hưng Yên ít khi về thăm các con và gia đình. Anh T cũng đi làm ăn xa thì thoảng mới về thăm gia đình xong lại đi làm luôn. Bà Trương Thị V là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung của chị Á và anh T là các cháu Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thành T và cháu Nguyễn Anh Q. Bà V có mong muốn, nguyện vọng để bà và anh T tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thành T và cháu Nguyễn Anh Q. Vì cuộc sống của các cháu vẫn được bảo đảm về tinh thần, vật chất và được ăn học đầy đủ khi ở cùng bà. Đồng thời bà V cũng xác định: Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2021 của Tòa án về việc giải quyết ly hôn giữa chị Á và anh T, do Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên gửi cho bà nhờ bà giao lại cho anh T biết nội dung. Thịnh thoảng anh T điện thoại về nhà nói chuyện với bà V và các con, bà đã thông báo lại cho anh T biết việc chị Á đã gửi đơn ly hôn với anh T đến Tòa án giải quyết. Anh T đã biết việc chị Á gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng anh T nói không về giải quyết, tùy ý kiến của chị Á muốn giải quyết như thế nào thì tùy chị. Nếu chị Á cương quyết xin ly hôn với anh thì anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Anh T cũng không nói cho bà biết địa chỉ cụ thể hiện nay anh đang ở đâu và làm gì, vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của các cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 15/4/2006; cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 20/8/2008 và cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 09/8/2011 (đều là con chung của chị Á và anh T): Các cháu đều cho biết sau khi bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của các cháu đều mong muốn tiếp tục được ở với bà nội và bố là anh Nguyễn Văn T. Việc các cháu muốn ở với bà nội và bố là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- *Về tố tụng:* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chị Bàn Thị Á chấp hành các quy định pháp luật tốt; đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án gửi các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định pháp luật. Vì anh T không cho chị Bàn Thị Á biết thông tin địa chỉ cụ thể nơi ở hiện tại nên chị Á không cung cấp để Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án. Vì vậy có thể xác định anh T đã cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú hiện tại của mình nên vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm e khoản 1 Điều 192; các Điều 39, 147, 227, 228, 235, 238,

266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị Á.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị Á được ly hôn với anh Nguyễn Văn T;

- Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 15/4/2006; cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 20/8/2008 và cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 09/8/2011 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Bàn Thị Á không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Văn T. Chị Bàn Thị Á có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về án phí:

+ Chị Bàn Thị Á phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Bàn Thị Á có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn T nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn anh Nguyễn Văn T là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P 3, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn Văn T tại phiên tòa: Qua xác minh tại địa phương nơi anh T đăng ký hộ khẩu thường trú cung cấp thì anh T thường xuyên đi làm ăn xa nhà, ít khi về thăm gia đình và địa phương. Khi đi làm xa, anh T không thông báo địa chỉ nơi cư trú cho chị Á, gia đình và địa phương biết. Chị Á có hỏi địa chỉ cụ thể nhưng anh T chỉ nói là đi làm ăn, không nói cho chị Á biết địa chỉ cụ thể hiện nay anh đang ở đâu, làm gì. Trước khi anh chị sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2019 thì chị Á đã thông báo cho anh T biết việc chị sẽ làm đơn ly hôn với anh gửi Tòa án giải quyết, anh T biết nhưng nói không về Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật về thụ lý vụ án, mở phiên họp công

khai chứng cứ, xét xử thông qua chị Bàn Thị Á (vợ anh T), bà Trương Thị V (mẹ đẻ anh T) và tại địa phương. Chị Á cam đoan và xác định đã thông báo cho anh T biết Thông báo thụ lý vụ án số 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2021 và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh T biết việc chị Á nộp đơn ly hôn với anh T tại Tòa án, anh T đã biết nhưng không có ý kiến gì và không thông báo lại địa chỉ hiện tại đang cư trú. Như vậy người bị kiện là anh Nguyễn Văn T đã cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị Á và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 09/01/2009 tại UBND xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Á và anh T là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị Á và anh T hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách giữa chị Á và anh T không hợp nhau, anh T là lao động tự do không có công việc làm ổn định, thường xuyên đi làm xa nhà, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, không quan tâm và yêu thương, tin tưởng nhau. Thực tế chị Á và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Từ khi anh T đi làm ăn xa, chị Á có hỏi địa chỉ cụ thể của anh T hiện nay đang ở đâu và làm gì nhưng anh T không nói cho chị Á biết, anh T cũng đã biết và được thông báo nội dung chị Á xin ly hôn nhưng anh T không về Tòa án giải quyết. Anh T cũng không nói địa chỉ cụ thể hiện nay anh đang ở đâu và làm gì, anh cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú hiện nay của mình không cho chị Á biết để cung cấp cho Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Á và anh T đã quá căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Anh T không đến Tòa án làm việc nhưng xác định nếu chị Á cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Bàn Thị Á và xử cho chị Á được ly hôn với anh Nguyễn Văn T theo quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Bàn Thị Á và anh Nguyễn Văn T có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 15/4/2006; cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 20/8/2008 và cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 09/8/2011. Xét nguyện vọng của mẹ đẻ anh T là bà Trương Thị V mong muốn tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba cháu (con chung của chị Á và anh T) là cháu Nguyễn Thị Ngọc D, cháu Nguyễn Thành T, và cháu Nguyễn Anh Q. Việc các con chung của anh

chị ở cùng nhà với bà nội (bà V) vẫn được đảm bảo cả về tinh thần, vật chất và được học tập vui chơi đầy đủ. Đồng thời theo ý kiến trình bày của các cháu D, cháu T và cháu Q thì các cháu đều mong muốn được tiếp tục được trực tiếp ở với bà nội và bố là anh Nguyễn Văn T, việc các cháu mong muốn ở với bà nội và bố là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do anh T không đến Tòa án làm việc nên không xác định được anh có yêu cầu chị Á phải cấp dưỡng nuôi con chung không. Tuy nhiên theo ý kiến của bà Trương Thị V là mẹ đẻ anh T xác định bà không yêu cầu chị Á phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà và anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên xử cho anh T tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D, cháu Nguyễn Thành T và cháu Nguyễn Anh Q. Chị Bàn Thị Á không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Văn T. Chị Bàn Thị Á được quyền đi lại thăm nom con chung, mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[4] Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Bàn Thị Á xác định vợ chồng có một số tài sản chung, đất đai chung nhưng tự thỏa thuận chia, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vay nợ chung: Chị Bàn Thị Á xác định vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bàn Thị Á phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm e khoản 1 Điều 192, các Điều 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị Á.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị Á được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 15/4/2006; cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 20/8/2008 và cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 09/8/2011 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Bàn Thị Á không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Văn T. Chị Bàn Thị Á có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị Á phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002430 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Bàn Thị Á đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Nguyễn Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị Á và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Thành Long (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tùng